| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHƯỚC LONG**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 161/2018/QĐST- HNGĐ | *Phước Long, ngày 15 tháng 11 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 265/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 về việc "ly hôn và nuôi con chung", giữa:

- *Nguyên đơn*: chị **Trần Thị Yến L** – sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: anh **Dương Văn V** – sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2018;

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Yến L với anh Dương Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Yến L và anh Dương Văn V thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: chị L và anh V thống nhất có một con chung tên Dương Ngọc A – sinh ngày xx/xx/2016, hiện tại chị L đang nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh V: sau khi ly hôn chị L được quyền tiếp tục nuôi con chung Dương Ngọc A – sinh ngày xx/xx/2016; chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này nên không đặt ra xem xét. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự thống nhất không có nợ chung và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về án phí: anh V tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ. Chị L không phải nộp án phí. Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại lai thu số 0014260 ngày 07/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lư Trường Lâm**